

BẢNG GIÁ SỐ 6

PHỤ LỤC 60: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI XÃ ĐỨC CƠ

(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
1	Anh Hùng Núp	Trần Hưng Đạo	Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	1.790.000		
		Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	Cách Mạng (Hết đường)	1.270.000		
2	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Anh Hùng Núp	Trần Hưng Đạo	Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	895.000		
		Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	Cách Mạng (Hết đường)	635.000		
3	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Anh Hùng Núp	Trần Hưng Đạo	Đường đất vào khu dân cư TDP 5 cũ (qua TT y tế Đức Cơ)	670.000		
		Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	Cách Mạng (Hết đường)	475.000		
4	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Anh Hùng Núp	Trần Hưng Đạo	Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	505.000		
		Đường đất vào khu dân cư TDP 5 (qua TT y tế Đức Cơ)	Cách Mạng (Hết đường)	355.000		
5	Các đường QH giữa đường Nguyễn Chí Thanh và đường Anh Hùng Núp	Cù Chính Lan	Hoàng Văn Thụ	815.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
6	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường QH giữa đường Nguyễn Chí Thanh và đường Anh Hùng Núp	Cù Chính Lan	Hoàng Văn Thụ	405.000		
7	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường QH giữa đường Nguyễn Chí Thanh và đường Anh Hùng Núp	Cù Chính Lan	Hoàng Văn Thụ	305.000		
8	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường QH giữa đường Nguyễn Chí Thanh và đường Anh Hùng Núp	Cù Chính Lan	Hoàng Văn Thụ	230.000		
9	Các đường QH phía tây Nghĩa trang Liệt sỹ	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	425.000		
10	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường QH phía tây Nghĩa trang Liệt sỹ	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	215.000		
11	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường QH phía tây Nghĩa trang Liệt sỹ	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	160.000		
12	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường QH phía tây Nghĩa trang Liệt sỹ	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	120.000		
13	Cách Mạng	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	1.290.000		
		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Ia Dơk	950.000		
14	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Cách Mạng	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	645.000		
		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Ia Dơk	475.000		
15	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Cách Mạng	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	485.000		
		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Ia Dơk	355.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
16	Đường rộng < 3,5m giáp đường Cách Mạng	Quang Trung	Nguyễn Đình Chiểu	365.000		
		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Ia Đơk	270.000		
17	Chu Văn An	Quang Trung	Anh Hùng Núp	1.020.000		
18	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Chu Văn An	Quang Trung	Anh Hùng Núp	510.000		
19	Đường rộng $\geq$ 3,5m đến 6m giáp đường Chu Văn An	Quang Trung	Anh Hùng Núp	380.000		
20	Đường rộng < 3,5m giáp đường Chu Văn An	Quang Trung	Anh Hùng Núp	285.000		
21	Cù Chính Lan	Phạm Văn Đồng	Nguyễn Chí Thanh	1.340.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	985.000		
22	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Cù Chính Lan	Phạm Văn Đồng	Nguyễn Chí Thanh	670.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	495.000		
23	Đường rộng $\geq$ 3,5m đến 6m giáp đường Cù Chính Lan	Phạm Văn Đồng	Nguyễn Chí Thanh	500.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	370.000		
24	Đường rộng < 3,5m giáp đường Cù Chính Lan	Phạm Văn Đồng	Nguyễn Chí Thanh	375.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	280.000		
25	Đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla (cũ)	Thanh Niên	Nguyễn Du	1.020.000		
		Đường đất khu dân cư TDP 5 cũ (Tôn Đức Thắng nối dài)	Quang Trung (tổ dân phố 7)	815.000		
		Quang Trung (tổ dân phố 7)	Tăng Bạt Hổ	815.000		
		Kpăh Klong	Lê Duẩn	610.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
26	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla (cũ)	Thanh Niên	Nguyễn Du	510.000		
		Đường đất khu dân cư TDP 5 cũ (Tôn Đức Thắng nối dài)	Quang Trung (tổ dân phố 7)	405.000		
		Quang Trung (tổ dân phố 7)	Tăng Bạt Hổ	405.000		
		Kpăh Klong	Lê Duẩn	305.000		
27	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla (cũ)	Thanh Niên	Nguyễn Du	380.000		
		Đường đất khu dân cư TDP 5 cũ (Tôn Đức Thắng nối dài)	Quang Trung (tổ dân phố 7)	305.000		
		Quang Trung (tổ dân phố 7)	Tăng Bạt Hổ	305.000		
		Kpăh Klong	Lê Duẩn	230.000		
28	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla (cũ)	Thanh Niên	Nguyễn Du	285.000		
		Đường đất khu dân cư TDP 5 cũ (Tôn Đức Thắng nối dài)	Quang Trung (tổ dân phố 7)	230.000		
		Quang Trung (tổ dân phố 7)	Tăng Bạt Hổ	230.000		
		Kpăh Klong	Lê Duẩn	170.000		
29	Đường QH cạnh trại trẻ mồ côi (cũ)	Trộn tuyến		305.000		
30	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường QH cạnh trại trẻ mồ côi (cũ)	Trộn tuyến		185.000		
31	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường QH cạnh trại trẻ mồ côi (cũ)	Trộn tuyến		140.000		
32	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường QH cạnh trại trẻ mồ côi (cũ)	Trộn tuyến		105.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
33	Đường QH giữa đường Quang Trung và Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thái Học (nối dài)	Hết đường	815.000		
34	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường QH giữa đường Quang Trung và Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thái Học (nối dài)	Hết đường	405.000		
35	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường QH giữa đường Quang Trung và Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thái Học (nối dài)	Hết đường	305.000		
36	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường QH giữa đường Quang Trung và Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thái Học (nối dài)	Hết đường	230.000		
37	Đường QH sau trụ sở Chi cục Thống kê	Đầu đường	Hết đường	815.000		
38	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường QH sau trụ sở Chi cục Thống kê	Đầu đường	Hết đường	405.000		
39	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường QH sau trụ sở Chi cục Thống kê	Đầu đường	Hết đường	305.000		
40	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường QH sau trụ sở Chi cục Thống kê	Đầu đường	Hết đường	230.000		
41	Đường đường quy hoạch Đ3 khu dân cư phía đông trường PTDT Nội trú, tổ dân phố 6	Đường quy hoạch Đ1 (đường liên xã)	Anh Hùng Núp	815.000		
42	Đường quy hoạch Đ7 (đường Huỳnh Thúc Kháng)	Đường quy hoạch Đ1 (đường liên xã)	Anh Hùng Núp	715.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
43	Đường quy hoạch (sau trụ sở UBND thị trấn Chư Ty cũ)	Siu Bleh	Hết đường	560.000		
44	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường quy hoạch (sau trụ sở UBND thị trấn Chư Ty cũ)	Siu Bleh	Hết đường	280.000		
45	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường quy hoạch (sau trụ sở UBND thị trấn Chư Ty cũ)	Siu Bleh	Hết đường	210.000		
46	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường quy hoạch (sau trụ sở UBND thị trấn Chư Ty cũ)	Siu Bleh	Hết đường	160.000		
47	Đường tuyến II	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	1.020.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	1.380.000		
48	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường tuyến II	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	510.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	690.000		
49	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường tuyến II	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	380.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	515.000		
50	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường tuyến II	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	285.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	385.000		
51	Đường tuyến III	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	920.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
52	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường tuyến III	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	460.000		
53	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường tuyến III	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	345.000		
54	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường tuyến III	Công an huyện Đức Cơ cũ	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	260.000		
55	Đường tuyến III và các đường QH giữa tuyến II với đường liên xã	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	1.240.000		
56	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường tuyến III và các đường QH giữa tuyến II với đường liên xã	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	620.000		
57	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường tuyến III và các đường QH giữa tuyến II với đường liên xã	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	465.000		
58	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường tuyến III và các đường QH giữa tuyến II với đường liên xã	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Phan Bội Châu	350.000		
59	Đường tuyến 3 (đường quy hoạch Đ5 khu dân cư phía đông trường PTDT Nội trú, tổ dân phố 6)	Đường quy hoạch Đ7 (đường Huỳnh Thúc Kháng)	Đường quy hoạch Đ3	715.000		
60	Đường vào làng Trol Đen	Kpa Klong	Hết đường	305.000		
61	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường vào làng Trol Đen	Kpa Klong	Hết đường	183.000		
62	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường vào làng Trol Đen	Kpa Klong	Hết đường	140.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
63	Đường rộng < 3,5m giáp đường vào làng Trol Đen	Kpa Klong	Hết đường	105.000		
64	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Anh Hùng Núp	2.440.000		
65	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Anh Hùng Núp	1.220.000		
66	Đường rộng $\geq$ 3,5m đến 6m giáp đường Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Anh Hùng Núp	915.000		
67	Đường rộng < 3,5m giáp đường Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Anh Hùng Núp	685.000		
68	Huỳnh Thúc Kháng	Trường Chinh	Anh Hùng Núp	1.020.000		
69	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Trường Chinh	Anh Hùng Núp	510.000		
70	Đường rộng $\geq$ 3,5m đến 6m giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Trường Chinh	Anh Hùng Núp	380.000		
71	Đường rộng < 3,5m giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Trường Chinh	Anh Hùng Núp	285.000		
72	Kpa Klong	Quang Trung	Siu Blêh	1.250.000		
		Siu Blêh	Đường vào làng Trol đen	785.000		
		Đường vào làng Trol đen	Đường liên huyện cũ (Giáp ranh giới xã Ia Kriêng cũ)	785.000		
73	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Kpa Klong	Quang Trung	Siu Blêh	625.000		
		Siu Blêh	Đường vào làng Trol đen	395.000		
		Đường vào làng Trol đen	Đường liên huyện cũ (Giáp ranh giới xã Ia Kriêng cũ)	395.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
74	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Kpa Klong	Quang Trung	Siu Blêh	465.000		
		Siu Blêh	Đường vào làng Trol đen	295.000		
		Đường vào làng Trol đen	Đường liên huyện cũ (Giáp ranh giới xã Ia Kriêng cũ)	295.000		
75	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Kpa Klong	Quang Trung	Siu Blêh	350.000		
		Siu Blêh	Đường vào làng Trol đen	220.000		
		Đường vào làng Trol đen	Đường liên huyện cũ (Giáp ranh giới xã Ia Kriêng cũ)	220.000		
76	Lê Duẩn	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	1.220.000		
		Võ Thị Sáu	Hết đường	610.000		
77	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Lê Duẩn	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	610.000		
		Võ Thị Sáu	Hết đường	305.000		
78	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Lê Duẩn	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	460.000		
		Võ Thị Sáu	Hết đường	230.000		
79	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Lê Duẩn	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	345.000		
		Võ Thị Sáu	Hết đường	170.000		
80	Lê Hồng Phong	Nguyễn Du	Nguyễn Thái Học	1.020.000		
81	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Lê Hồng Phong	Nguyễn Du	Nguyễn Thái Học	510.000		
82	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Lê Hồng Phong	Nguyễn Du	Nguyễn Thái Học	380.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
83	Đường rộng < 3,5m giáp đường Lê Hồng Phong	Nguyễn Du	Nguyễn Thái Học	285.000		
84	Lê Lai	Lê Duẩn	Nguyễn Thái Học	825.000		
85	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Lê Lai	Lê Duẩn	Nguyễn Thái Học	415.000		
86	Đường rộng $\geq$ 3,5m đến 6m giáp đường Lê Lai	Lê Duẩn	Nguyễn Thái Học	310.000		
87	Đường rộng < 3,5m giáp đường Lê Lai	Lê Duẩn	Nguyễn Thái Học	235.000		
88	Lê Lợi	Quang Trung	Anh Hùng Núp	1.020.000		
		Quang Trung	Phan Đình Phùng	1.020.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	610.000		
89	Đường rộng $\geq$ 6m giáp đường Lê Lợi	Quang Trung	Anh Hùng Núp	510.000		
		Quang Trung	Phan Đình Phùng	510.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	305.000		
90	Đường rộng $\geq$ 3,5m đến 6m giáp đường Lê Lợi	Quang Trung	Anh Hùng Núp	380.000		
		Quang Trung	Phan Đình Phùng	380.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	230.000		
91	Đường rộng < 3,5m giáp đường Lê Lợi	Quang Trung	Anh Hùng Núp	285.000		
		Quang Trung	Phan Đình Phùng	285.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	170.000		
92	Lý Thái Tổ	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	1.020.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Võ Thị Sáu	Lê Lai	610.000		
93	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Lý Thái Tổ	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	510.000		
		Võ Thị Sáu	Lê Lai	305.000		
94	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Lý Thái Tổ	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	380.000		
		Võ Thị Sáu	Lê Lai	230.000		
95	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Lý Thái Tổ	Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	285.000		
		Võ Thị Sáu	Lê Lai	170.000		
96	Ngô Mây	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	1.020.000		
97	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Ngô Mây	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	510.000		
98	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Ngô Mây	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	380.000		
99	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Ngô Mây	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	285.000		
100	Nguyễn An Ninh	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	1.020.000		
101	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn An Ninh	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	510.000		
102	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn An Ninh	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	380.000		
103	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn An Ninh	Phạm Văn Đồng	Anh Hùng Núp	285.000		
104	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	1.020.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
105	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	510.000		
106	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	380.000		
107	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	285.000		
108	Nguyễn Chí Thanh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (Nối dài)	1.220.000		
		Lê Lợi (Nối dài)	Tăng Bạt Hổ	1.630.000		
		Tăng Bạt Hổ	Hết đường	1.020.000		
109	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (Nối dài)	610.000		
		Lê Lợi (Nối dài)	Tăng Bạt Hổ	815.000		
		Tăng Bạt Hổ	Hết đường	510.000		
110	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (Nối dài)	460.000		
		Lê Lợi (Nối dài)	Tăng Bạt Hổ	610.000		
		Tăng Bạt Hổ	Hết đường	380.000		
111	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (Nối dài)	345.000		
		Lê Lợi (Nối dài)	Tăng Bạt Hổ	460.000		
		Tăng Bạt Hổ	Hết đường	285.000		
112	Nguyễn Đình Chiểu	Cách Mạng	Hết đường	405.000		
113	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	Cách Mạng	Hết đường	205.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
114	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	Cách Mạng	Hết đường	155.000		
115	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	Cách Mạng	Hết đường	115.000		
116	Nguyễn Du	Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh giới xã Ia Dok	1.020.000		
117	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Du	Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh giới xã Ia Dok	510.000		
118	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Du	Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh giới xã Ia Dok	380.000		
119	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Du	Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh giới xã Ia Dok	285.000		
120	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	1.020.000		
121	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	510.000		
122	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	380.000		
123	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	285.000		
124	Nguyễn Thái Học	Quang Trung	Lê Lai	815.000		
		Lê Lai	Đường liên xã Ia Kriêng cũ (Ranh giới xã Ia Kiêng cũ)	815.000		
125	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Thái Học	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	405.000		
		Lê Lai	Đường liên xã Ia Kriêng cũ (Ranh giới xã Ia Kiêng cũ)	405.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
126	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Thái Học	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	305.000		
		Lê Lai	Đường liên xã Ia Kriêng cũ (Ranh giới xã Ia Kiêng cũ)	305.000		
127	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Thái Học	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	230.000		
		Lê Lai	Đường liên xã Ia Kriêng cũ (Ranh giới xã Ia Kiêng cũ)	230.000		
128	Nguyễn Văn Linh	Lý Thái Tổ	Thanh Niên	1.630.000		
129	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Văn Linh	Lý Thái Tổ	Thanh Niên	815.000		
130	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Văn Linh	Lý Thái Tổ	Thanh Niên	610.000		
131	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Văn Linh	Lý Thái Tổ	Thanh Niên	460.000		
132	Nguyễn Văn Trỗi	Quang Trung	Phan Đình Phùng	3.500.000		
133	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	Quang Trung	Phan Đình Phùng	1.750.000		
134	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	Quang Trung	Phan Đình Phùng	1.310.000		
135	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	Quang Trung	Phan Đình Phùng	985.000		
136	Phạm Văn Đồng	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	1.640.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Hoàng Văn Thụ	1.820.000		
		Hoàng Văn Thụ	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	2.760.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	1.640.000		
		Chu Văn An	Cách Mạng	1.300.000		
137	Đường rộng $\geq 6m$ giáp đường Phạm Văn Đồng	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	820.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Hoàng Văn Thụ	910.000		
		Hoàng Văn Thụ	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	1.380.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	820.000		
		Chu Văn An	Cách Mạng	650.000		
138	Đường rộng $\geq 3,5m$ đến $6m$ giáp đường Phạm Văn Đồng	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	615.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Hoàng Văn Thụ	685.000		
		Hoàng Văn Thụ	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	1.040.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	615.000		
		Chu Văn An	Cách Mạng	490.000		
139	Đường rộng $< 3,5m$ giáp đường Phạm Văn Đồng	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	460.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Hoàng Văn Thụ	515.000		
		Hoàng Văn Thụ	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	775.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	460.000		
		Chu Văn An	Cách Mạng	365.000		
140	Phan Bội Châu	Quang Trung	Đường liên xã	610.000		
		Đường liên xã	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	610.000		
141		Quang Trung	Đường liên xã	305.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Phan Bội Châu	Đường liên xã	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	305.000		
142	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Phan Bội Châu	Quang Trung	Đường liên xã	230.000		
		Đường liên xã	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	230.000		
143	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Phan Bội Châu	Quang Trung	Đường liên xã	170.000		
		Đường liên xã	Giáp ranh giới xã Ia Pnôn	170.000		
144	Phan Đình Phùng	Ngã ba trước Đài truyền hình	Kpa Klong	1.020.000		
		Kpa Klong	Nguyễn Văn Trỗi	1.830.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	3.660.000		
145	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Phan Đình Phùng	Ngã ba trước Đài truyền hình	Kpa Klong	510.000		
		Kpa Klong	Nguyễn Văn Trỗi	915.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	1.830.000		
146	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Phan Đình Phùng	Ngã ba trước Đài truyền hình	Kpa Klong	380.000		
		Kpa Klong	Nguyễn Văn Trỗi	685.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	1.370.000		
147	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Phan Đình Phùng	Ngã ba trước Đài truyền hình	Kpa Klong	285.000		
		Kpa Klong	Nguyễn Văn Trỗi	515.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	1.030.000		
148	Quang Trung	Thanh Niên	Nguyễn Thái Học	1.830.000		
		Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	2.410.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Trần Bình Trọng	Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	3.650.000		
		Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	Nguyễn Văn Trỗi	5.030.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	8.330.000		
		Tăng Bạt Hổ	Chu Văn An	5.030.000		
		Chu Văn An	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	2.490.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	1.830.000		
		Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	Giáp ranh xã Ia Pnôn	1.650.000		
149	Đường rộng $\geq 6m$ giáp đường Quang Trung	Thanh Niên	Nguyễn Thái Học	915.000		
		Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	1.210.000		
		Trần Bình Trọng	Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	1.830.000		
		Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	Nguyễn Văn Trỗi	2.520.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	4.170.000		
		Tăng Bạt Hổ	Chu Văn An	2.520.000		
		Chu Văn An	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	1.250.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	915.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	Giáp ranh xã Ia Pnôn	825.000		
150	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Quang Trung	Thanh Niên	Nguyễn Thái Học	685.000		
		Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	905.000		
		Trần Bình Trọng	Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	1.370.000		
		Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	Nguyễn Văn Trỗi	1.890.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	3.130.000		
		Tăng Bạt Hổ	Chu Văn An	1.890.000		
		Chu Văn An	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	935.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	685.000		
		Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	Giáp ranh xã Ia Pnôn	620.000		
151	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Quang Trung	Thanh Niên	Nguyễn Thái Học	515.000		
		Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	680.000		
		Trần Bình Trọng	Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	1.030.000		
		Hai Bà Trưng (đường đi vào đài truyền hình)	Nguyễn Văn Trỗi	1.420.000		
		Nguyễn Văn Trỗi	Tăng Bạt Hổ	2.340.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Tăng Bạt Hổ	Chu Văn An	1.420.000		
		Chu Văn An	Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	700.000		
		Đường vào trường THCS Nguyễn Hiền	Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	515.000		
		Đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ)	Giáp ranh xã Ia Pnôn	465.000		
152	Siu Blêh	Tăng Bạt Hổ	Kpa Klong	990.000		
153	Đường rộng $\geq 6m$ giáp đường Siu Blêh	Tăng Bạt Hổ	Kpa Klong	495.000		
154	Đường rộng $\geq 3,5m$ đến 6m giáp đường Siu Blêh	Tăng Bạt Hổ	Kpa Klong	370.000		
155	Đường rộng $< 3,5m$ giáp đường Siu Blêh	Tăng Bạt Hổ	Kpa Klong	280.000		
156	Tăng Bạt Hổ	Quang Trung	Phan Đình Phùng	1.220.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	1.020.000		
		Siu Blêh	Hết ranh giới thị trấn cũ	610.000		
		Quang Trung	Nguyễn Chí Thanh	1.220.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	1.830.000		
157	Đường rộng $\geq 6m$ giáp đường Tăng Bạt Hổ	Quang Trung	Phan Đình Phùng	610.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	510.000		
		Siu Blêh	Hết ranh giới thị trấn cũ	305.000		
		Quang Trung	Nguyễn Chí Thanh	610.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	915.000		
158	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Tăng Bạt Hổ	Quang Trung	Phan Đình Phùng	460.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	380.000		
		Siu Blêh	Hết ranh giới thị trấn cũ	230.000		
		Quang Trung	Nguyễn Chí Thanh	460.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	685.000		
159	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Tăng Bạt Hổ	Quang Trung	Phan Đình Phùng	345.000		
		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	285.000		
		Siu Blêh	Hết ranh giới thị trấn cũ	170.000		
		Quang Trung	Nguyễn Chí Thanh	345.000		
		Nguyễn Chí Thanh	Anh Hùng Núp	515.000		
160	Thanh Niên	Quang Trung	Giáp ranh xã Ia Dơk	985.000		
161	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Thanh Niên	Quang Trung	Giáp ranh xã Ia Dơk	495.000		
162	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Thanh Niên	Quang Trung	Giáp ranh xã Ia Dơk	370.000		
163	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Thanh Niên	Quang Trung	Giáp ranh xã Ia Dơk	280.000		
164	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	Thanh Niên	975.000		
165	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	Thanh Niên	490.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
166	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	Thanh Niên	365.000		
167	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh	Thanh Niên	275.000		
168	Trần Bình Trọng	Quang Trung	Lê Lai	610.000		
169	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Trần Bình Trọng	Quang Trung	Lê Lai	305.000		
170	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Trần Bình Trọng	Quang Trung	Lê Lai	230.000		
171	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Trần Bình Trọng	Quang Trung	Lê Lai	170.000		
172	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	Lê Duẩn	2.450.000		
		Lê Duẩn	Lý Thái Tổ	1.890.000		
		Lý Thái Tổ	Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	990.000		
		Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	Hết đường	835.000		
173	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Trần Hưng Đạo	Quang Trung	Lê Duẩn	1.230.000		
		Lê Duẩn	Lý Thái Tổ	945.000		
		Lý Thái Tổ	Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	495.000		
		Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	Hết đường	420.000		
174		Quang Trung	Lê Duẩn	920.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	Lý Thái Tổ	710.000		
		Lý Thái Tổ	Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	370.000		
		Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	Hết đường	315.000		
175	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Trần Hưng Đạo	Quang Trung	Lê Duẩn	690.000		
		Lê Duẩn	Lý Thái Tổ	535.000		
		Lý Thái Tổ	Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	280.000		
		Hết ranh giới Trung tâm Chính trị xã Đức Cơ	Hết đường	235.000		
176	Trần Nhân Tông	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	1.020.000		
177	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Trần Nhân Tông	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	510.000		
178	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Trần Nhân Tông	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	380.000		
179	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Trần Nhân Tông	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	285.000		
180	Trần Phú	Phan Đình Phùng	Siu Blêh	1.320.000		
		Siu Blêh	Hết đường	955.000		
181	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Trần Phú	Phan Đình Phùng	Siu Blêh	660.000		
		Siu Blêh	Hết đường	480.000		
182		Phan Đình Phùng	Siu Blêh	495.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Trần Phú	Siu Blêh	Hết đường	360.000		
183	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Trần Phú	Phan Đình Phùng	Siu Blêh	370.000		
		Siu Blêh	Hết đường	270.000		
184	Trường Chinh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	1.220.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	1.630.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	1.220.000		
		Chu Văn An	Hết đường	1.020.000		
185	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Trường Chinh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	610.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	815.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	610.000		
		Chu Văn An	Hết đường	510.000		
186	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Trường Chinh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	460.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	610.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	460.000		
		Chu Văn An	Hết đường	380.000		
187	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Trường Chinh	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi (nối dài)	345.000		
		Lê Lợi (nối dài)	Tăng Bạt Hổ (nối dài)	460.000		
		Tăng Bạt Hổ (nối dài)	Chu Văn An	345.000		
		Chu Văn An	Hết đường	285.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
188	Võ Thị Sáu	Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	945.000		
		Trần Bình Trọng	Phan Đình Phùng (trước Đài TTTH)	1.280.000		
189	Đường rộng $\geq 6\text{m}$ giáp đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	470.000		
		Trần Bình Trọng	Phan Đình Phùng (trước Đài TTTH)	640.000		
190	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ đến 6m giáp đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	355.000		
		Trần Bình Trọng	Phan Đình Phùng (trước Đài TTTH)	480.000		
191	Đường rộng $< 3,5\text{m}$ giáp đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Thái Học	Trần Bình Trọng	265.000		
		Trần Bình Trọng	Phan Đình Phùng (trước Đài TTTH)	360.000		
192	Đường tuyến 2 (đường quy hoạch Đ6 khu dân cư phía đông trường PTDT Nội trú, tổ dân phố 6)	Đường quy hoạch Đ7 (đường Huỳnh Thúc Kháng)	Đường quy hoạch Đ3	815.000		
193	Các đường quy hoạch khu dân cư tổ dân phố 1 (cạnh trường TH Nguyễn Văn Trỗi)	Tôn Đức Thắng	Đường liên xã	1.020.000		
194	Các đường hiện trạng khu dân cư tổ dân phố 5 (cũ)	Anh Hùng Núp	Hết đường	405.000		
195	Khu trung tâm thương mại (Chợ Đức Cơ)	Quang Trung (Từ Nguyễn Văn Trỗi đến Hết ranh giới Phòng Giao dịch Ngân hàng NN & PTNT)		18.060.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Trần Phú (Từ Quang Trung đến Phan Đình Phùng)		12.040.000		
		Nguyễn Văn Trỗi (Từ Quang Trung đến Phan Đình Phùng)		9.910.000		
		Phan Đình Phùng (Từ cổng chợ phía Tây đến đường Nguyễn Văn Trỗi)		8.500.000		
196	Khu quy hoạch điểm dân cư thôn Ia Lâm, xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ cũ	Đường QH Đ1 Đường QH Đ3 Đường QH Đ6		1.130.000		
197	Quốc lộ 19	Ranh giới xã Ia Kriêng (cũ) - Ia Krêl (hết cổng nước thôn Ia Kăm)	Hết cổng lờ	530.000		
		Hết cổng lờ	Ranh giới UBND xã Ia Krêl (đối diện đường nhựa vào làng Khóp)	935.000		
		Ranh giới UBND xã Ia Krêl (đối diện đường nhựa vào làng Khóp)	Ranh giới xã Ia Kriêng - TT Chư Ty cũ	1.600.000		
198	Đường quy hoạch tuyến II thôn Ia Lâm Tôk (sát doanh trại BCH Quân sự huyện Đức Cơ cũ)			530.000		
199	Đường liên huyện cũ	Kpăh Klong nối dài	Hết cầu làng Lung Prông (qua suối Ia Kriêng)	405.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Hết cầu làng Lung Prông (qua suối Ia Kriêng)	Hết khu dân cư làng Krai	305.000		
		hết khu dân cư làng Krai	Ranh giới huyện Đức Cơ - Chư Prông cũ	210.000		
200	Đường liên xã Ia Kriêng cũ	Nguyễn Thái Học nối dài	Hết ranh giới trụ sở UBND xã Ia Kriêng cũ	405.000		
201	Đường nhựa thôn Ia Kăm	Đoạn từ Quốc lộ 19	Hết đường	305.000		
202	Đường liên thôn	Hết ranh giới UBND xã Ia Kriêng cũ	Đường làng Lung Prông (đường liên huyện)	210.000		
		Hết ranh giới UBND xã Ia Kriêng cũ	Ngã 3 làng Hrang (cạnh nhà bà Nguyễn Thị Hoa)	210.000		
203	Khu vực 1			300.000	240.000	192.000
204	Khu vực 2			210.000	168.000	134.000
205	Khu vực 3			147.000	117.000	94.000